**HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING**
**DEPARTMNET OF ACADEMIC AFFAIRS**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

# LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS ELIGIBLE TO CONDUCT THE GRADUATION THESIS ROUND 2 (ACADEMIC YEAR 2026 - 2027)

*(Issued together with Decision No. 4014/QD-DHNH, dated 05/11/2026 by the Rector)*

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 030238220186 | Trương Công | Phát | 26/04/2000 | DH38TM01 | Xây dựng hệ thống hỗ trợ quyết định cảnh báo rủi ro sụt giảm giá cổ phiếu nhóm VN30 cho nhà đầu tư cá nhân dựa trên học máy giải thích được | NCS.ThS. Trần Huỳnh Minh Tân | 3.50/113 | Hệ thống thông tin QL | |
| 2 | 030539230015 | Lê Ngọc Phương | Diễm | 08/04/2005 | DH39KT02 | Kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại HIKARI Việt Nam-HCM | PGS.TS. Nguyễn Thị Hằng Nga | 3.00/110 | Kế toán - Kiểm toán | |
| 3 | 030239230096 | Huỳnh Thị Thúy | Kiều | 22/03/2005 | DH39KH02 | Nghiên cứu thực nghiệm kỹ thuật SMOTE và các biến thể cho bài toán phân loại không cân bằng nhị phân | TS. Mai Quang Vinh | 3.30/110 | Khoa học dữ liệu trong kinh doanh | |
| 4 | 030239230171 | Nguyễn Ngọc Quỳ | Như | 24/11/2005 | DH39KH02 | Xây dựng mô hình dự báo rủi ro vỡ nợ tín dụng cá nhân và phân tích giải thích quyết định mô hình | TS. Bùi Thị Thiện Mỹ | 3.00/110 | Khoa học dữ liệu trong kinh doanh | |
| 5 | 030839230116 | Trần Tuệ | Linh | 04/04/2005 | DH39DQ04 | Tác động của biến động cước vận tải biển đến hiệu quả chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp dệt may niêm yết tại Việt Nam | TS. Trịnh Quang Long | 3.30/107 | Kinh tế quốc tế | |
| 6 | 030839230125 | Trần Trịnh Khánh | Ly | 06/05/2005 | DH39DQ04 | Mối quan hệ giữa kết nối vận tải biển song phương và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tại các thị trường nhập khẩu giai đoạn 2015-2023. | TS. Trịnh Quang Long | 3.30/107 | Kinh tế quốc tế | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 030839230137 | Huỳnh Thị Mỹ | Na | 07/06/2005 | DH39DQ01 | Tác động của độ phức tạp kinh tế đến phát thải CO2: Vai trò điều tiết của chất lượng thể chế tại các nền kinh tế đang phát triển. | TS. Tiết Tòng Tuyền | 3.30/107 | Kinh tế quốc tế | |
| 8 | 030839230143 | Đào Kiêm | Ngân | 13/08/2005 | DH39DQ01 | Tác động của chất lượng thể chế đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các quốc gia đang phát triển | TS. Tiết Tòng Tuyền | 3.40/107 | Kinh tế quốc tế | |
| 9 | 030839230174 | Ngô Thị Yến | Nhi | 11/12/2005 | DH39DQ03 | Tác động của ứng dụng AI đến khả năng hiển thị sản phẩm trên sàn ALIBABA.COM: Nghiên cứu tại công ty 99 Gold Data | PGS.TS. Nguyễn Minh Sáng | 3.30/107 | Kinh tế quốc tế | |
| 10 | 030839230238 | Phan Trần Anh | Thư | 29/09/2005 | DH39DQ04 | Tác động của hiệu quả logistics đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam | TS. Trịnh Quang Long | 3.30/107 | Kinh tế quốc tế | |
| 11 | 030739230041 | Nguyễn Anh | Hào | 05/01/2005 | DH39LK02 | Pháp luật về bảo vệ nhà đầu tư trong nước trên thị trường tài sản mã hóa: Kinh nghiệm quốc tế và định hướng hoàn thiện trong bối cảnh thí điểm tại Việt Nam | PGS.TS Viên Thế Giang | 3.30/110 | Luật kinh tế | |
| 12 | 030739230087 | Lê Thị | Luyến | 06/04/2005 | DH39LK02 | Pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam | Ths. Nguyễn Ngọc Thảo Phương | 3.40/107 | Luật kinh tế | |
| 13 | 030739230100 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 25/10/2005 | DH39LK02 | Bảo đảm an sinh xã hội cho lao động phi chính thức theo pháp luật Việt Nam hiện nay | TS. Trương Thị Thanh Trúc | 3.30/110 | Luật kinh tế | |
| 14 | 030739230109 | Nguyễn Hoàng Th | Nguyên | 27/01/2005 | DH39LK04 | Hoàn thiện pháp luật môi trường Việt Nam về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu trong việc thúc đẩy kinh tế tuần hoàn | TS. Trần Thị Thu Hà | 3.30/110 | Luật kinh tế | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | 030739230176 | Nguyễn Thị Minh | Thư | 16/03/2005 | DH39LK03 | Thực hiện hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng quyền chọn qua Sở giao dịch hàng hóa theo pháp luật Việt Nam | Ths. Nguyễn Lê Phương Anh | 3.10/110 | Luật kinh tế | |
| 16 | 030138220090 | Châu Hoàng | Hà | 14/10/2004 | DH38CT01 | Tác động của quản lý thanh khoản đến khả năng sinh lời doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam | PGS.TS Phạm Hải Nam | 2.90/115 | Ngân hàng | |
| 17 | 030139230123 | Mai Huỳnh Quỳnh | Hương | 11/02/2005 | DH39NH01 | Tác động của tín dụng xanh đến khả năng sinh lời các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025. | TS. Nguyễn Thành Công | 3.20/110 | Ngân hàng | |
| 18 | 030139230141 | Nguyễn Ngọc | Huyên | 13/03/2005 | DH39CT02 | Vai trò của dữ liệu thay thế trong đánh giá khả năng tín dụng của khách hàng tại ngân hàng thương mại Việt Nam | PGS.TS Lê Hoàng Anh | 3.20/112 | Ngân hàng | |
| 19 | 030139230314 | Nguyễn Minh | Quân | 06/01/2005 | DH39NH02 | Phát triển dịch vụ thanh toán không tiếp xúc tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | PGS.TS Phan Thị Linh | 3.20/112 | Ngân hàng | |
| 20 | 030439230013 | Nguyễn Ngọc Lân | Anh | 14/04/2005 | DH39AT02 | English Majors' Self-Regulated Strategies in AI-Assisted Essay Writing | TS. Lê Hùng Vũ | 2.90/110 | Ngoại ngữ | |
| 21 | 030439230194 | Nguyễn Thiên | Phú | 22/04/2003 | DH39AM03 | Denotative mismatches in the English - Vietnamese translation of Warren Buffett and the interpretation of financial statements: a functional analysis and pedagogical implications for HUB English majors | ThS. Phan Lê Vĩnh Thông | 3.50/111 | Ngoại ngữ | |
| 22 | 030439230298 | Châu Nguyễn Tườ | Vy | 13/05/2005 | DH39AT02 | English majors’ perceptions of automated grammar feedback tools in English paragraph revision | TS. Lê Hùng Vũ | 3.20/113 | Ngoại ngữ | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | 030339230013 | Bùi Ngô Thanh | Bình | 26/07/2005 | DH39MK02 | ẢNH HƯỞNG CỦA MỨC ĐỘ CÁ NHÂN HÓA QUẢNG CÁO CẢM NHẬN ĐẾN XU HƯỚNG NÉ TRÁNH QUẢNG CÁO IN FEED TRÊN TIKTOK CỦA SINH VIÊN TẠI TP.HCM: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA SỰ PHÙ HỢP CẢM NHẬN VÀ CẢM NHẬN VỀ SỰ CAN THIỆP CỦA QUẢNG CÁO | PGS.TS Trần Văn Đạt | 3.60/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 24 | 030339230073 | Hồ Thị Khánh | Linh | 27/05/2005 | DH39LQ01 | CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA CHUỖI CUNG ỨNG: PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC DƯỚI GÓC NHÌN LÝ THUYẾT NĂNG LỰC ĐỘNG | TS. Lê Minh Hiếu | 3.30/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 25 | 030339230094 | Trần Thị Kim | Ngân | 17/03/2005 | DH39LQ02 | Kết nối vận tải biển và xuất khẩu trong bối cảnh các cú sốc chuỗi cung ứng: Bằng chứng từ chín quốc gia ASEAN ven biển giai đoạn 2006–2025 | ThS. Nguyễn Thị Thu Hà | 3.40/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 26 | 030339230129 | Hồ Ngọc | Phú | 24/02/2005 | DH39LQ01 | ẢNH HƯỞNG CỦA HIỆU QUẢ THỰC HIỆN ĐƠN HÀNG ĐẾN Ý ĐỊNH GIỚI THIỆU CỦA KHÁCH HÀNG TRẺ TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ SHOPEE TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ThS. Nguyễn Thị Thanh | 3.50/110 | Quản trị kinh doanh | |
| 27 | 030339230146 | Nguyễn Thị Thu | Thắm | 03/02/2005 | DH39MK02 | ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC HÌNH THỨC KHUYẾN MÃI ĐẾN Ý ĐỊNH MUA MỸ PHẨM CỦA SINH VIÊN TẠI TP.HCM QUA LIVESTREAM TRÊN TIKTOK VÀO CÁC NGÀY SALE ĐÔI: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA GIÁ TRỊ CẢM NHẬN. | TS. Nguyễn Phúc Quý Thạnh | 3.50/110 | Quản trị kinh doanh | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | 030339230148 | Trương Thị Thanh | Thanh | 05/08/2005 | DH39MK02 | Tác động của nội dung do AI tạo đến ý định mua hàng của Gen Z tại TP.HCM: Vai trò trung gian của tính chân thực và niềm tin thương hiệu | Th.S Nguyễn Bá Huy | 3.40/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 29 | 030339230152 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 01/03/2005 | DH39MK02 | ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI NỔI TIẾNG NAM ĐẾN Ý ĐỊNH MUA MỸ PHẨM QUA LIVESTREAM BÁN HÀNG CỦA NỮ SINH VIÊN ĐẠI HỌC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH, VỚI VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA SỰ THÍCH THÚ CẢM NHẬN | TS. Châu Đình Linh | 3.40/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 30 | 030339230162 | Du Nguyễn Anh | Thư | 11/10/2005 | DH39MK01 | ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẶC ĐIỂM TRUYỀN THÔNG TUYỂN DỤNG TRÊN THREADS ĐẾN Ý ĐỊNH ỨNG TUYỂN CỦA THẾ HỆ Z TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | TS. Đinh Thu Quỳnh | 3.30/110 | Quản trị kinh doanh | |
| 31 | 030339230174 | Tô Nguyễn Thị Hồ | Thương | 06/01/2005 | DH39LQ01 | HIỆU QUẢ LOGISTICS (LPI) VÀ XUẤT KHẨU GẠO CỦA CÁC NƯỚC ASEAN: BẰNG CHỨNG TỪ MÔ HÌNH TRỌNG LỰC GIAI ĐOẠN 2007–2023 VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM | T.S Đậu Thị Mai Liên | 3.20/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 32 | 030339230179 | Trần Huỳnh Mai | Tiên | 12/09/2005 | DH39LQ01 | MÔ HÌNH TÍCH HỢP AHP-TOPSIS TRONG ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP MRO CHO CHUỖI CUNG ỨNG BỀN VỮNG TẠI CÔNG TY TNHH WAHL VIỆT NAM | TS. Nguyễn Trần Hồng Vân | 3.20/113 | Quản trị kinh doanh | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 33 | 030339230178 | Huỳnh Ngọc Khá | Tiên | 25/08/2005 | DH39LQ01 | CÁC YẾU TỐ CỦA CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH QUỐC TẾ TẠI TP.HCM | TS. Nguyễn Trọng Hưng | 3.20/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 34 | 030339230214 | Nguyễn Thị Thúy | Vy | 13/05/2005 | DH39MK01 | Ảnh hưởng của việc công khai nội dung do AI tạo đến niềm tin thương hiệu của Gen Z trên TikTok tại Thành phố Hồ Chí Minh: Vai trò trung gian của tính chân thực cảm nhận | ThS. Lê Minh Hoàng Long | 3.40/113 | Quản trị kinh doanh | |
| 35 | 030139230040 | Trần Thiện Hương | Chinh | 19/07/2005 | DH39QR01 | Tác động của công bố thông tin môi trường đến rủi ro sụp đổ giá cổ phiếu: Vai trò điều tiết của tỷ trọng nợ vay ngắn hạn tại các doanh nghiệp ngành vật liệu cơ bản niêm yết tại Việt Nam. | TS. Triệu Kim Lanh | 3.10/112 | Tài chính | |
| 36 | 030139230213 | Trần Bảo | Minh | 02/05/2005 | DH39QD01 | Phân tích tính phụ thuộc dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua hệ số Hurst: Nghiên cứu thực nghiệm các chỉ số phân theo quy mô vốn hóa giai đoạn 2014–2025. | TS. Ngô Sĩ Nam | 3.10/112 | Tài chính | |
| 37 | 030139230222 | Hồ Đỗ Trung | Nam | 17/01/2005 | DH39TC01 | Các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam giai đoạn 2018–2025 | TS. Ngô Sĩ Nam | 3.20/110 | Tài chính | |
| 38 | 030139230257 | Nguyễn Đặng Thà | Nhân | 11/09/2005 | DH39TC01 | Tác động của chất lượng công bố thông tin ESG đến giá trị doanh nghiệp của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam | TS. Đỗ Thị Hà Thương | 3.40/110 | Tài chính | |

| No. | Student ID | Surname and Middle | Name | | Class | Topic tilte | Supervising Lecturer | GPA (4-point scale) / Accumulated Credits | Faculty | Note |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | 030139230463 | Võ Huỳnh Thanh | Vinh | 24/07/2005 | DH39QR01 | Phản ứng của thị trường khi công bố thông tin báo cáo kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết: Nghiên cứu thực nghiệm từ thị trường chứng khoán Việt Nam. | TS. Triệu Kim Lanh | 3.00/109 | Tài chính | |
| 40 | 030139230465 | Nguyễn Hoài Thả | Vy | 28/04/2005 | DH39QD01 | Tác động của quản trị vốn lưu động đến khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh bất định kinh tế | TS. Đỗ Thị Hà Thương | 3.20/112 | Tài chính | |

**Total: 40 Students**